

Bản án số: 77/2020/HS-ST.
Ngày: 31/7/ 2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gia.

2. Ông Nguyễn Văn Hoi.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Bích Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2020/ TLST - HS, ngày 02 tháng 6 năm 2020, theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST – HS ngày 18/6/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức P**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1983, tại thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ Dương Thị H, sinh năm 1981; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Anh Hà Văn L, sinh năm 1990 (Có mặt).

Trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn T, sinh năm 1993 (Có mặt).

Trú tại: Xóm X, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1989 (Có mặt).
Trú tại: Xóm Trung 2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1970 (Có mặt).
Trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
Anh Trần Xuân B, sinh năm 1980 (Có mặt).
Trú tại: Phố G, thị trấn G, H. Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
Chị Dương Thị H, sinh năm 1981(Có mặt).
Trú tại: TDP H, phường Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên
Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1987 (Có mặt).
Trú tại: Tổ 1, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên
Anh Phạm Văn N, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Trú tại: Xóm N, xã V, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên
Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên
- Người làm chứng:
Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
Trú tại: Xóm H, xã V, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.
Anh Lưu Ngọc Q, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
Trú tại: Xóm N, xã Vạn P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.
Anh Dương Văn H, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
Anh Lại Diệp H, sinh năm 1979 (Có mặt).
Trú tại: Xã G, thị trấn G, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 29/5/2017, Nguyễn Đức P, sinh năm 1983 cùng vợ là Dương Thị H, sinh năm 1981; Điều trú tại Tổ dân phố H, phường Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên có ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), chi nhánh Kinh Đô, địa chỉ: Số 292 Tây Sơn, phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội số tiền là 559.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi chín triệu đồng*). Hình thức vay trả góp thế chấp xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET - CRUZE, loại xe ô tô con, màu sơn Bạc, số máy 8D4170580039, số khung 695EHH944180, BKS: 20A - 219.83 thời hạn vay 83 tháng kể từ ngày 29/5/2017. Theo hợp đồng tín dụng giữa vợ chồng P và Ngân hàng VP Bank, thì Ngân hàng VPBank giữ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, vợ chồng P là người trực tiếp quản lý và sử dụng xe. Hàng tháng vợ chồng P phải có trách nhiệm trả gốc và lãi cho Ngân

hàng theo hợp đồng đã ký kết và không được chuyển nhượng hay cầm cố chiếc xe ô tô trên. Tính đến tháng 5/2018, Nguyễn Đức P đã trả gốc và lãi cho ngân hàng VPBank với tổng số tiền là: 152.549.255 đồng. Sau đó, do không có tiền nên Nguyễn Đức P không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng VPBank theo hợp đồng, Ngân hàng đã ra quyết Đ thu hồi chiếc xe trên để đảm bảo xử lý nợ đối với P.

Do không có tiền, nên P đã nảy sinh ý Đ đem chiếc xe ô tô BKS 20A - 219.83 đem bán. Để thực hiện ý Đ trên, theo P khai ngày 07/01/2019, P đi cùng Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 1987; Trú tại: Xóm Hạ Vụ 3, xã Vạn P, thị xã P và Lưu Ngọc Q, sinh năm 1986; Trú tại: Xóm N, xã Vạn P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên đi xe ô tô biển kiểm soát 20A – 219.83 đến nhà anh Hà Văn L, sinh năm 1990; Trú quán: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên mục đích để bán xe ô tô biển kiểm soát 20A – 219.83 cho anh L. Khi đến nơi, P đặt vấn đề muốn bán chiếc xe ô tô trên, anh L hỏi xe của ai thì P nói đó là xe ô tô của P và không nói cho anh L biết việc P đã thế chấp chiếc xe ô tô này tại Ngân hàng, đồng thời P đưa cho anh L 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 20A- 219.83 (là đăng ký giả) cùng 01 chứng minh thư nhân dân của P để anh L tin tưởng. Qua đối chiếu giữa số khung số máy của xe với đăng ký xe, anh L tin tưởng đó là xe ô tô của P nên đã đồng ý mua với giá 250.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, P viết giấy tờ mua bán xe với anh L, để lại đăng ký xe ô tô rồi nhận tiền ra về.

Do không có nhu cầu sử dụng nên ngày 27/02/2019, anh L đã bán xe ô tô biển kiểm soát 20A - 219.83 cho anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1989, anh Vũ Văn Q, sinh năm 1970, cùng trú tại xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và anh Phạm Văn T, sinh năm 1993, trú tại xóm X, xã T, huyện P với giá 399.000.000 đồng (những người này cùng góp tiền mua xe); Trong đó anh Q góp 200.000.000 đồng, anh Đ góp 199.000.000 đồng, còn anh T không phải bỏ tiền mà có trách nhiệm kiểm tra chất lượng xe. Quá trình mua bán xe, Anh L tự tay viết giấy bán chiếc xe ô tô đồng thời giao cho anh Q giữ 01 bản, còn giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 20A - 219.83 và các loại giấy tờ khác liên quan đến xe ô tô đưa cho anh T giữ.

Đến ngày 28/02/2019, anh T đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh Trần Xuân B, sinh năm 1980; Trú tại: Phố G, thị trấn G, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên với giá 434.000.000 đồng. Khi bán xe, anh T viết 01 giấy bán xe và giao cho anh Bắc giữ, 01 giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 20A - 219.83 mà anh L giao cho anh T và toàn bộ giấy tờ khác liên quan. Sau khi mua được xe ô tô về sử dụng một thời gian, anh Trần Xuân B đem chiếc xe trên đến thế chấp tại ngân hàng để làm thủ tục vay tiền, thì được phía ngân hàng thông báo chiếc xe ô tô trên đang được thế chấp tại ngân hàng VPBank, nên anh Bắc đã làm đơn trình báo Công

an huyện P đề nghị giải quyết, đồng thời giao nộp lại chiếc đăng ký xe ô tô BKS 20A-219.83.

Quá trình cơ quan điều tra xác minh, anh Hà Văn L xác Đ bị Nguyễn Đức P lừa để bán chiếc xe ô tô trên cho mình, nên đã có đơn trình báo đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện P giải quyết.

Tại bản kết luận Đ giá tài sản số 52 ngày 30/8/2019 của hội đồng Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận: 01 xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE BKS 20A-219.83, màu bạc, số khung: 695 EHH944180, số máy: 8D4170580039, dung tích: 1796 có giá trị là 527.000.000 đồng.

Tại kết luận giám Đ số 968/KL-KTHS ngày 27/6/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Hình dấu tròn đỏ trên tài liệu cần giám Đ (Ký hiệu: A) in bằng P pháp in phun màu. Chữ ký trên tài liệu cần giám Đ (Ký hiệu A) so với chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu A2) không phải do cùng một người ký.

Lời khai nhận tội của Nguyễn Đức P là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được như: Vật chứng thu giữ, kết luận giám Đ, lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm:

- + 01 xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, loại xe CRUZE KL1J- JNB11/CD5-1, số máy F18D4170580039, số khung RLLJA695EHH944180, BKS: 20A – 219.83, xe cũ đã qua sử dụng;

- + 01 giấy chứng nhận kiểm Đ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường P tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC 3345163 đối với xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, loại xe CRUZEKL1J-JNB11/CD5-1, số máy F18D4170580039, số khung RLLJA695EHH944180, biển kiểm soát 20A – 219.83, có hiệu lực đến hết ngày 29/11/2017.

- + 01 phong bì còn nguyên niêm phong ký hiệu A, trên phong bì có dòng chữ “Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029731”;

- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, Imeil 867453032048038, Imeil 2 867453032048020, cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn T. Hiện đang được bảo quản và lưu giữ tại kho vật chứng của Công an huyện P.

Về phần trách nhiệm dân sự: Anh Hà Văn L yêu cầu P phải hoàn trả lại số tiền 250.000.000 đồng là số tiền anh L bỏ ra mua xe ô tô. Đến nay P chưa trả lại cho anh L số tiền trên.

Cáo trạng số 74/CT-VKSPB ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Đức P về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo

khoản 3 điều 174; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức nhà nước” theo khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết thúc thẩm vấn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đức P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức nhà nước”. Sau khi xem xét đánh giá chứng cứ đã đề nghị áp dụng:

- Về hình phạt chính: Căn cứ điểm a khoản 3 điều 174, điểm c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 55, 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Đức P từ 8 năm đến 9 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” ; từ 4 năm đến 5 năm về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức nhà nước”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức P.

- Về vật chứng căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- + Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì còn nguyên niêm phong ký hiệu A, trên phong bì có dòng chữ “Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029713”; 01 giấy chứng nhận kiểm Đ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường P tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC 3345163 đối với xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, loại xe CRUZEKL1J-JNB11/CD5-1, số máy F18D4170580039, số khung RLLJA695EHH944180, biển kiểm soát 20A – 219.83, có hiệu lực đến hết ngày 29/11/2017.

- + Hoàn trả cho anh Phạm Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng số IMEI 867453032048038, số IMEI 867453032048020 máy đã cũ, đã qua sử dụng trong 01 phong bì niêm phong có ký hiệu T.

- + Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) 01 xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, loại xe CRUZE KL1J-JNB11/CD5-1, số máy F18D4170580039, số khung RLLJA695EHH944180, BKS: 20A – 219.83, xe cũ đã qua sử dụng để Ngân hàng VPBank xử lý khoản nợ đối với Nguyễn Đức P và Dương Thị Hồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức P phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hà Văn L số tiền 250.000.000đ.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận gì với Viện Kiểm sát, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1]. Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết Đ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám Đ, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ xác Đ: Do không có tiền để trả nợ nên Nguyễn Đức P đã nảy sinh ý Đ đem chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, BKS: 20A – 2183 (là tài sản của P nhưng đang thế chấp trong ngân hàng, không được phép chuyển nhượng) bán lấy tiền. Để thực hiện ý Đ trên, ngày 07/01/2019, Nguyễn Đức P đến nhà anh Hà Văn L tại Xóm T, xã Đ, huyện P đặt vấn đề bán chiếc xe ô tô trên cho anh L. Tại đây, P không nói cho anh L biết việc chiếc xe ô tô trên đang được P thế chấp trong ngân hàng và giấy tờ xe do phía ngân hàng giữ, đồng thời P đã đưa 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 20A- 219.83 giả cho anh L xem mục đích để anh L tin tưởng và mua chiếc xe ô tô trên. Do tin tưởng giấy đăng ký xe ô tô trên là giấy tờ thật, nên anh L đã đồng ý mua chiếc xe ô tô với giá 250.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền trên, P đã đem trả nợ hết, đến nay P chưa bồi thường cho anh L số tiền trên.

Như vậy hành vi của bị cáo thực hiện như trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy Đ tại khoản 3 điều 174, và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy Đ tại khoản 3 điều 341 của BLHS năm 2015 đối với Nguyễn Đức P.

Nội dung các Điều luật quy Đ như sau:

Điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự quy Đ:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

...

3. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng....”.

Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự quy Đ:

“Người nào...sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

...

3. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a)...

c) Sử dụng...tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng...”

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức P thuộc trường hợp là tội phạm rất nghiêm trọng. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, và sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm xã hội mất lòng tin giữa con người, gây mất trật tự trị an tại địa phương; Xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện P, truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi lượng hình đã phải cân nhắc với mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục, phòng ngừa chung.

[4]. Xét về ý thức chủ quan bị cáo không ảnh hưởng gì về thể chất và tinh thần, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình đã gây ra.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bố đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Đức Đạo, là thương binh nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức P không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy Đ tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Đức P.

[7]. Về vật chứng: Căn cứ điều 46, 47 BLHS và điều 106 BLTTHS năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì còn nguyên niêm phong ký hiệu A, trên phong bì có dòng chữ “Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029713”; 01 giấy chứng nhận kiểm Đ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường P tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC 3345163 đối với xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, loại xe CRUZEKL1J-JNB11/CD5-1, số máy F18D4170580039, số khung RLLJA695EHH944180, biển kiểm soát 20A – 219.83, có hiệu lực đến hết ngày 29/11/2017.

+ Hoàn trả cho anh Phạm Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng số IMEI 867453032048038, số IMEI 867453032048020 máy đã cũ, đã qua sử dụng trong 01 phong bì niêm phong có ký hiệu T.

+ Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) 01 xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, loại xe CRUZE KL1J-JNB11/CD5-1, số máy F18D4170580039, số khung RLLJA695EHH944180, BKS: 20A – 219.83, xe cũ đã qua sử dụng để Ngân hàng VPBank xử lý khoản nợ đối với Nguyễn Đức P và Dương Thị H.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức P phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hà Văn L số tiền là 250.000.000đ, là số tiền anh L đã bỏ ra mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, loại xe CRUZE KL1J- JNB11/CD5-1; BKS: 20A – 219.83 của P.

- Đối với yêu cầu của anh Trần Xuân B, về việc yêu cầu anh Phạm Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả anh số tiền 434.000.000đ do anh mua chiếc xe BKS 20A – 219.83 của T ngày 28/02/2019. Hội đồng xét thấy cần phải tách phần này ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, khi anh Bắc có đơn khởi kiện anh T tại Tòa án.

- Đối với yêu cầu của anh Đặng Văn Đ, Vũ Văn Q, Phạm Văn T về việc yêu cầu anh Hà Văn L phải có trách nhiệm hoàn trả các anh số tiền 399.000.000đ do các anh mua chiếc xe BKS 20A – 219.83 của Hà Văn L ngày 27/02/2019. Hội đồng xét thấy cần phải tách phần này ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, khi anh Đ, anh Q, anh T có đơn khởi kiện anh Hà Văn L tại Tòa án.

[9]. Đối với chị Dương Thị Hồng, vợ của Nguyễn Đức P đã cùng P ký hợp đồng vay thế chấp xe ô tô BKS 20A - 219.83 với ngân hàng VPBank. Tuy nhiên quá trình điều tra xác Đ, chị Hồng không biết việc P đem chiếc xe ô tô trên đi lừa bán cho anh Hà Văn L để chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng nên cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện P không xử lý.

Đối với Hà Văn L, Phạm Văn T, Đặng Văn Đ và Vũ Văn Q là những người sau khi mua được chiếc xe ô tô BKS: 20A - 219.83 đã đem bán lại để hưởng giá chênh lệch. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác Đ khi mua bán xe ô tô trên những người này không biết giấy đăng ký xe ô tô trên là giả và những giao dịch dân sự trên là ngay tình nên hành vi không cấu thành tội phạm hình sự.

Ngoài ra quá trình điều tra cơ quan điều tra chưa xác Đ được người đã có hành vi làm giả chiếc đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 20A - 219. 83 nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện P tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau.

[10]. Xét đề nghị của VKSND huyện P về hình phạt cũng như các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST nộp vào ngân sách nhà nước, theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12]. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT Đ:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức P phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Về hình phạt chính:

Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Căn cứ vào điểm a, khoản 3 Điều 174; Tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”: Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 55, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều 357, 468 của BLDS năm 2015.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Đức P 08 (Tám) năm tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 04 (Bốn) năm tù về tội: Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nhà nước. Bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (Mười hai) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/3/2020.

Căn cứ Điều 329 BLTTH năm 2015 tiếp tục giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì còn nguyên niêm phong ký hiệu A, trên phong bì có dòng chữ “Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029713”; 01 giấy chứng nhận kiểm Đ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường P tiện giao thông cơ giới

đường bộ số KC 3345163 đối với xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, loại xe CRUZEKL1J-JNB11/CD5-1, số máy F18D4170580039, số khung RLLJA695EHH944180, biển kiểm soát 20A – 219.83, có hiệu lực đến hết ngày 29/11/2017.

+ Hoàn trả cho anh Phạm Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng số IMEI 867453032048038, số IMEI 867453032048020 máy đã cũ, đã qua sử dụng trong 01 phong bì niêm phong có ký hiệu T.

+ Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) 01 xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, loại xe CRUZE KL1J-JNB11/CD5-1, số máy F18D4170580039, số khung RLLJA695EHH944180, BKS: 20A – 219.83, xe cũ đã qua sử dụng để Ngân hàng VPBank xử lý khoản nợ đối với Nguyễn Đức P và Dương Thị Hồng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/6/2020, giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P và chỉ huy Thị hành án dân sự huyện P.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức P phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hà Văn L số tiền là 250.000.000đ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Hà Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Đức P không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác Đ theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy Đ tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy Đ tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 12.500.000đ án phí DSST nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Vắng mặt anh Phạm Văn N, anh Nguyễn Đức B. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với những người có mặt; trong hạn 15 ngày kể từ ngày anh Phạm Văn N, anh Nguyễn Đức B nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA Thái Nguyên;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- Nhà tạm giữ Công an huyện P;
- T.H.A DS huyện P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quang Thái

- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A; HS.